

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Kiên

Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Lệ Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M - sinh năm: 1992;

Nơi ĐKKHKT: Khu phố N, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh T.

Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân V - sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2022, bản tự khai ngày 18 tháng 11 năm 2022 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn V), huyện V, tỉnh T vào ngày 07/9/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm cãi vã lẫn nhau. Chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 08/2022 đến nay và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay chị Nguyễn Thị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn A - sinh ngày 21/10/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Hoà M1 – sinh ngày 02/11/2015 (giới tính: Nữ). Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu M1. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2022 bị đơn là anh Nguyễn Xuân V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân V và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn V) huyện V, tỉnh T vào ngày 07/9/2011. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cãi vã lẫn nhau nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, sau khi vợ chồng cãi nhau chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, huyện V để ở và làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh. Anh V đã nhiều lần nói chuyện với chị M cũng như nhờ hai bên nội ngoại khuyên nhủ chị M rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị M vẫn không đồng ý mà cương quyết xin ly hôn. Nay chị Nguyễn Thị M làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Xuân V không đồng ý ly hôn vì anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn yêu thương chị M nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn A - sinh ngày 21/10/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Hoà M1 – sinh ngày 02/11/2015 (giới tính: Nữ). Khi vợ chồng anh sống ly thân cháu Văn A ở cùng với chị M, cháu Hoà M1 ở

cùng với anh V. Sau đó, chị M đi làm ăn tại Hà Nội không chăm sóc được con và để tiện cho việc học của cháu Vân A nên anh V đã đón cháu Vân A về ở cùng với anh V. Hiện nay cháu Vân A và Hoà M1 đều đang ở cùng với anh V. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Nếu vợ chồng ly hôn anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh V không yêu cầu chị M phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh vì anh đủ điều kiện để nuôi con, chị M tự nguyện đóng góp bao nhiêu tùy chị M, anh V không yêu cầu, tuy anh làm nghề tự do nhưng công việc và thu nhập của anh V tương đối ổn định, bình quân thu nhập dao động 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/12/2022, UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh T nơi anh V và chị M có đăng ký hộ khẩu thường trú cũng là nơi vợ chồng chị M, anh V chung sống trước khi vợ chồng ly thân cho biết: Chị M và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn V), huyện V vào ngày 07/9/2011. Sau khi kết hôn chị M về nhà anh V sinh sống cùng với anh V và bố mẹ chồng. Đến tháng 8/2022, chị M về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, huyện V để ở từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân vợ chồng anh V, chị M mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được, chỉ nghe hàng xóm nhà anh V phản ánh lại là vợ chồng anh V cũng hay cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng chị M, anh V có 02 con chung tên là Nguyễn Vân A - sinh ngày 21/10/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Hoà M1 – sinh ngày 02/11/2015 (giới tính: Nữ). Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh V. Về điều kiện kinh tế: chị M, anh V không có nhà, đất tại thị trấn V, hiện nay ba bố con anh V vẫn sống chung với mẹ đẻ anh V. Anh V làm nghề tự do, nhưng công việc ổn định, chính quyền địa phương không nắm được thu nhập của anh V như thế nào. Chị M trước ở khu phố N làm nghề tự do, nhưng hiện nay chị M không ở thị trấn V nữa, nghe làng xóm nói chị M đang làm ở Hà Nội, cụ thể làm việc gì, thu nhập như thế nào chính quyền địa phương không nắm được.

Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Xuân V nhưng hiện tại chị M đang đi làm ăn xa, để đảm bảo việc học hành của các con nên chị M đề nghị giao cả hai con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con chung chị M và anh V sẽ thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu toà án giải quyết. Anh Nguyễn Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

Giao các con chung là Nguyễn Văn A - sinh ngày 21/10/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Hoà M1 – sinh ngày 02/11/2015 (giới tính: Nữ) cho anh Nguyễn Xuân V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị M không phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V vì anh V không có yêu cầu.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Xuân V có hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện V, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn V), huyện V, tỉnh T vào ngày 07/9/2011. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân V là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ tháng 8/2022, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2022 đến nay. Chị Nguyễn Thị M xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn nữa

nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh V. Anh Nguyễn Xuân V xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M vẫn còn nên anh V đề nghị giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ nhưng bản thân anh V cũng không có giải pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân giữa anh và chị M. Quá trình giải quyết vụ án anh V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa mà không có lý do, điều đó thể hiện anh V không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân V đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân V thống nhất vợ, chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Vân A - sinh ngày 21/10/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Hoà M1 – sinh ngày 02/11/2015 (giới tính: Nữ). Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cả hai con đều ở cùng với anh V. Khi ly hôn chị M và anh V đều có yêu cầu và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Vân A và cháu Nguyễn Hoà M1 là giao cho anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Vân A và Hoà M1. Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vợ chồng chị tự thoả thuận. Anh V không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Vân A và Nguyễn Hoà M đang được anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các cháu đang ổn định. Các cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Chị M và anh V đều có nguyện vọng giao cho anh V tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ các con, cả 02 cháu A và M1 cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở cùng với bố. Nguyện vọng của chị M, anh V và các cháu A, M1 là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu bé về mọi mặt, cũng như không phải tách rời hai chị em, do đó giao cả hai cháu Vân A và Hoà M1 cho anh V được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Xuân V không yêu cầu chị Nguyễn Thị M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của anh V nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh V có quyền làm đơn yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

Chị Nguyễn Thị M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Xuân V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Xuân V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

2. Về con chung:

2.1 Giao cả 02 con chung là Nguyễn Văn A - sinh ngày 21/10/2011 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Hoà M1 – sinh ngày 02/11/2015 (giới tính: Nữ) cho anh Nguyễn Xuân V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên (18 tuổi).

2.2. Chị Nguyễn Thị M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Xuân V. Anh Nguyễn Xuân V có quyền làm đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung bằng một vụ án khác.

2.3. Chị Nguyễn Thị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2021/0004776 ngày 01/11/2022** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị M đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Xuân V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang